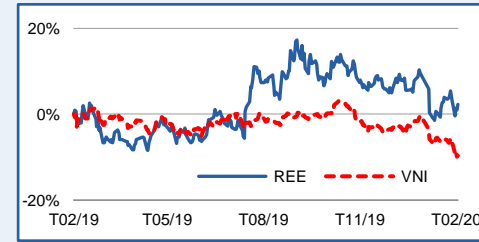


# CTCP Cơ điện lạnh (REE) [MUA +47,8%]

Cập nhật

Ngành:	Tiện ích		2019	2020F	2021F	2022F
<b>Ngày báo cáo:</b>	<b>06/03/2020</b>	Tăng trưởng DT	-4,1%	25,4%	5,0%	8,5%
Giá hiện tại:	32.200VND	Tăng trưởng EPS	-8,1%	1,6%	22,9%	8,2%
Giá mục tiêu:	45.800VND	Tăng trưởng EPS*	-3,7%	3,9%	22,9%	8,2%
Giá mục tiêu trước đây	48.300VND	EV/EBITDA	4,4%	40,2%	12,6%	17,3%
TL tăng:	42,2%	Lợi suất FCF	12,9%	7,1%	2,1%	13,7%
Lợi suất cổ tức:	5,6%	P/B	1,0x	0,9x	0,8x	0,7x
Tổng mức sinh lời:	47,8%	P/E	6,3x	6,0x	4,9x	4,5x
GT vốn hóa:	429tr USD					
Room KN:	0USD	P/E (trượt)	6,3x	11,3x	13,8x	
GTGD/ngày (30n):	1.4tr USD	P/B (hiện tại)	1,0x	1,2x	2,0x	
Cổ phần Nhà nước:	0%	Nợ ròng/CSH	0,3	0,2	N/A	
SL cổ phiếu lưu hành:	310 tr	ROE	16,6%	14,3%	15,1%	
Pha loãng:	310 tr	ROA	9,9%	5,3%	2,5%	



### Tổng quan công ty:

REE là công ty holding với 3 lĩnh vực hoạt động chính: Điện (chiếm gần 50% tổng lợi nhuận), cơ điện (M&E), cho thuê văn phòng. Các mảng khác bao gồm nước và bất động sản. REE là công ty hàng đầu trong ngành M&E và sở hữu 150.000 m2 diện tích văn phòng cho thuê. Các mảng khác bao gồm nước và BĐS.

\*LNST cốt lõi, điều chỉnh cho dự phòng/hoàn nhập từ QTP, \*\* trung bình các công ty điện, M&E và BĐS

Nguyễn Tường Huy  
Chuyên viên

Đinh Thị Thùy Dương  
Trưởng phòng cao cấp

## Giá cổ phiếu đang ở mức giá trị sổ sách dù triển vọng ổn định

- Chúng tôi giữ khuyến nghị MUA nhưng giảm giá mục tiêu 5,2% còn 45.800 đồng do giảm 11,6% dự báo LNST sau lợi ích CĐTTS năm 2020. Dự báo lợi nhuận của chúng tôi trong giai đoạn 2021-2024 nhìn chung không thay đổi.
- Chúng tôi giảm dự phóng LNST sau lợi ích CĐTTS năm 2020 còn 1,7 nghìn tỷ đồng (+4% YoY) do lợi nhuận thấp hơn từ mảng bất động sản (tri hoãn dự án) và mảng Cơ điện (biên lợi nhuận giảm).
- Chúng tôi kỳ vọng REE sẽ hưởng lợi từ tình trạng thiếu hụt điện tại Việt Nam nhờ danh mục đầu tư điện lớn đạt 800 MW với vị trí đắc địa và có chi phí sản xuất thấp.
- Chúng tôi cho rằng định giá hiện tại của REE là hấp dẫn với P/E dự phóng năm 2020 là 6,1 lần, P/B là 0,9 lần và lợi suất cổ tức là 5,5% so với dự báo tốc độ tăng trưởng kép (CAGR) LNST sau lợi ích CĐTTS giai đoạn 2019-2024 mạnh mẽ đạt 10,9%.
- Yếu tố hỗ trợ: sản lượng điện từ mảng thủy điện cao hơn dự kiến trong 6 tháng cuối năm 2020.
- Rủi ro: lợi nhuận thấp hơn dự kiến từ mảng Cơ điện (M&E).

**Mảng điện (chiếm 50% LNST sau lợi ích CĐTTS) dự kiến ghi nhận CAGR LNST sau lợi ích CĐTTS đạt 26% trong giai đoạn 2020-2022.** Vào cuối năm 2019, REE thành công gia tăng tỷ lệ sở hữu tại công ty liên kết VSH từ 24% lên 49,5%. Ngoài ra, chúng tôi hiện tăng dự phóng LNST sau lợi ích CĐTTS cốt lõi năm 2020 cho PPC (công ty liên kết mà REE sở hữu 25% cổ phần) thêm 12,2% và tăng dự báo LNST sau lợi ích CĐTTS trong giai đoạn 2021-2029 thêm trung bình 6,5% (xem thêm [báo cáo cập nhật PPC](#) của chúng tôi, ngày 12/02/2020). Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng danh mục đầu tư thủy điện của REE sẽ chịu tác động tiêu cực bởi sản lượng cam kết cao hơn. Chúng tôi tăng giả định sản lượng cam kết trong giai đoạn 2020-2024 cho các nhà máy thủy điện từ 75%-80% lên 90% - phù hợp với quyết định của EVN được công bố vào cuối tháng 12/2019. Tính theo mức cơ sở so sánh ròng, chúng tôi cho rằng không có thay đổi đáng kể nào cho dự báo LNST sau lợi ích CĐTTS từ mảng điện của REE.

**Mảng cho thuê văn phòng (chiếm 27% LNST sau lợi ích CĐTTS) ghi nhận đóng góp đầy đủ cả năm từ tòa nhà E-town 5 trong năm 2020,** được chúng tôi kỳ vọng sẽ đóng góp thêm 10% YoY cho mức tăng trưởng LNST sau lợi ích CĐTTS từ mảng này. Chúng tôi ước tính tòa nhà E-town 6 sẽ bắt đầu vận hành trước thời điểm giữa năm 2023 (thay vì cuối năm 2022 như dự kiến trước đây). Khi tòa nhà mới này được hoàn thành, sẽ đóng góp thêm 70.000 m2 diện tích sàn ròng

cho danh mục hiện hữu của REE là khoảng 150.000 m<sup>2</sup> và giúp tăng gấp đôi LNST của mảng này. Chúng tôi ước tính tòa E-town 6 sẽ ghi nhận LNST đạt trung bình 250 tỷ đồng/năm.

**Chúng tôi kỳ vọng mảng M&E (chiếm 15% LNST sau lợi ích CĐT) tăng trưởng mạnh mẽ trong năm 2020.** Chúng tôi dự phóng doanh thu và LNST sau lợi ích CĐT lần lượt tăng 27,3% YoY và 38,6% YoY, nhờ lượng backlog duy trì mạnh mẽ đạt 4,5 nghìn tỷ đồng tính đến ngày 31/12/2019. Chúng tôi lưu ý rằng chúng tôi đã giảm khoảng 5% dự báo LNST sau lợi ích CĐT của mảng này trong năm 2020 và 2021, và giảm khoảng 10% trong giai đoạn 2022-2024, do giả định biên lợi nhuận giảm sau khi KQKD quý 4/2019 thấp.

**Triển vọng đi ngang trong năm 2020, tuy nhiên, lượng tài sản mới thu tóm sẽ giúp REE tỏa sáng trong năm 2021.** REE thành công hoàn thành kế hoạch M&A năm 2019 với tổng giải ngân đạt 2,2 nghìn tỷ đồng, tăng tổng tài sản thêm 26% YoY, bao gồm nhà máy thủy điện Thượng Kon Tum (220 MW) của VSH. Chúng tôi kỳ vọng nhà máy này sẽ đạt điểm hòa vốn trong năm 2021, từ đó đóng vai trò quan trọng trong việc giúp REE ghi nhận tăng trưởng LNST sau lợi ích CĐT đạt 22,9%.

## Báo cáo Tài chính

KQKD (triệu USD)	2019	2020F	2021F	2022F	BẢNG CĐKT (triệu USD)	2019	2020F	2021F	2022F
<b>Doanh thu</b>	<b>4.890</b>	<b>6.132</b>	<b>6.437</b>	<b>6.987</b>	Tiền và tương đương	1.560	1590	532	784
Giá vốn hàng bán	-3.644	-4.363	-4.511	-4.780	Đầu tư TC ngắn hạn	1.201	0	0	0
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>1.246</b>	<b>1.768</b>	<b>1.926</b>	<b>2.207</b>	Các khoản phải thu	2.153	1.865	1.958	2.125
Chi phí bán hàng	-78	-123	-129	-140	Hàng tồn kho	987	1.422	1.470	1.558
Chi phí quản lí DN	-222	-261	-274	-297	TS ngắn hạn khác	112	112	112	112
<b>LN thuần HĐKD</b>	<b>946</b>	<b>1.385</b>	<b>1.524</b>	<b>1.770</b>	Tổng TS ngắn hạn	<b>6.013</b>	<b>4.989</b>	<b>4.071</b>	<b>4.579</b>
Doanh thu tài chính	442	177	110	86	TS dài hạn (gộp)	5.550	6.419	8.269	9.098
Chi phí tài chính	-386	-352	-309	-274	- Khấu hao lũy kế	-1.782	-1.838	-1.935	-2.071
Trong đó: chi phí lãi vay	-404	-352	-309	-274	TS dài hạn (ròng)	3.768	4.581	6.334	7.027
Lợi nhuận từ công ty LDLK	907	766	1.053	1.040	Đầu tư TC dài hạn	9.211	9.416	9.698	9.976
Lợi nhuận/(chi phí) khác	11	11	11	11	TS dài hạn khác	627	627	627	627
<b>LNTT</b>	<b>1.920</b>	<b>1.987</b>	<b>2.388</b>	<b>2.633</b>	Tổng TS dài hạn	<b>13.607</b>	<b>14.624</b>	<b>16.659</b>	<b>17.630</b>
Thuế TNDN	-201	-244	-267	-319	<b>Tổng Tài sản</b>	<b>19.619</b>	<b>19.613</b>	<b>20.730</b>	<b>22.209</b>
LNST trước CĐTS	<b>1.720</b>	<b>1.743</b>	<b>2.121</b>	<b>2.315</b>	Phải trả ngắn hạn	1.495	1.701	1.759	1.863
Lợi ích CĐ thiểu số	-81	-77	-74	-99	Nợ ngắn hạn	888	776	679	435
<b>LN ròng sau CĐTS. báo cáo</b>	<b>1.639</b>	<b>1.666</b>	<b>2.048</b>	<b>2.215</b>	Nợ ngắn hạn khác	883	601	631	685
<b>LN ròng sau CĐTS. điều chỉnh <sup>(1)</sup></b>	<b>1.597</b>	<b>1.659</b>	<b>2.040</b>	<b>2.207</b>	Tổng nợ ngắn hạn	<b>3.266</b>	<b>3.078</b>	<b>3.068</b>	<b>2.983</b>
EBITDA	1.121	1.572	1.771	2.077	Nợ dài hạn	4.739	3.736	3.300	3.107
EPS báo cáo. VND	5.285	5.372	6.604	7.145	Nợ dài hạn khác	513	513	513	513
EPS điều chỉnh <sup>(1)</sup> . VND	5.150	5.352	6.580	7.119	<b>Tổng nợ</b>	<b>5.252</b>	<b>4.250</b>	<b>3.813</b>	<b>3.620</b>
EPS pha loãng. VND	5.150	5.352	6.580	7.119	Cổ phiếu ưu đãi	0	0	0	0
DPS. VND	1.800	1.800	1.800	1.800	Vốn cổ phần	3.101	3.101	3.101	3.101
DPS/EPS (%)	34,9%	33,6%	27,4%	25,3%	Thặng dư vốn CP	1.050	1.050	1.050	1.050
(1) điều chỉnh cho quỹ khen thưởng và phúc lợi cũng như dự phòng/hoàn nhập cho QTP					Lợi nhuận giữ lại	6.005	7.113	8.602	10.260
<b>TỶ LỆ</b>	<b>2019</b>	<b>2020F</b>	<b>2021F</b>	<b>2022F</b>	Vốn khác	240	240	240	240
<b>Tăng trưởng</b>					Lợi ích CĐTS	705	782	856	955
Tăng trưởng doanh thu	-4,1%	25,4%	5,0%	8,5%	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>11.101</b>	<b>12.286</b>	<b>13.849</b>	<b>15.606</b>
Tăng trưởng LN HĐKD	3,6%	46,5%	10,0%	16,2%	<b>Tổng cộng nguồn vốn</b>	<b>19.619</b>	<b>19.613</b>	<b>20.730</b>	<b>22.209</b>
Tăng trưởng LNTT	-8,1%	1,6%	22,9%	8,2%	CP lưu hành cuối năm (tr)	310	310	310	310
Tăng trưởng EPS. điều chỉnh	-3,7%	3,9%	22,9%	8,2%					
<b>Khả năng sinh lời</b>									
Biên LN gộp %	25,5%	28,8%	29,9%	31,6%	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tr USD)</b>	<b>2019</b>	<b>2020F</b>	<b>2021F</b>	<b>2022F</b>
Biên LN từ HĐ %	19,3%	22,6%	23,7%	25,3%	<b>Tiền đầu năm</b>	<b>1.865</b>	<b>1.559</b>	<b>1.590</b>	<b>532</b>
Biên EBITDA	22,9%	25,6%	27,5%	29,7%	Lợi nhuận sau thuế	1.639	1.666	2.048	2.215
LN ròng trừ CĐTS điều chỉnh	33,5%	27,2%	31,7%	31,6%	Khấu hao	176	187	247	307
ROE %	15,6%	14,2%	15,7%	15,0%	Thay đổi vốn lưu động	-284	-223	-53	-96
ROA %	9,3%	8,5%	10,2%	10,3%	Điều chỉnh khác <sup>(2)</sup>	-1.221	-766	-1.053	-1.040
<b>Chỉ số hiệu quả vận hành</b>					<b>Tiền từ hoạt động KD</b>	<b>309</b>	<b>864</b>	<b>1.188</b>	<b>1.386</b>
Số ngày tồn kho	98,0	100,8	117,0	115,6	Chi mua sắm TSCĐ. ròng	-287	-1.000	-2.000	-1.000
Số ngày phải thu	153,7	119,6	108,4	106,6	Đầu tư. ròng <sup>(3)</sup>	-1.308	1762	771	762
Số ngày phải trả	147,2	133,7	140,0	138,3	<b>Tiền từ HĐ đầu tư</b>	<b>-1.595</b>	<b>762</b>	<b>-1.229</b>	<b>-238</b>
TG luân chuyển tiền	104,5	86,7	85,5	84,0	Cổ tức đã trả	-625	-558	-558	-558
<b>Thanh khoản</b>					Tăng (giảm) vốn	0	0	0	0
CS thanh toán hiện hành	1,8	1,6	1,3	1,5	Tăng (giảm) nợ ngắn hạn	0	-112	-97	-244
CS thanh toán nhanh	1,5	1,2	0,8	1,0	Tăng (giảm) nợ dài hạn	1.605	-1.003	-437	-193
CS thanh toán tiền mặt	0,5	0,1	-0,2	-0,1	Tiền từ các hoạt động TC khác	0	77	74	99
Nợ/Tài sản	28,7%	23,0%	19,2%	15,9%	<b>Tiền từ hoạt động TC</b>	<b>980</b>	<b>-1.595</b>	<b>-1.018</b>	<b>-895</b>
Nợ/Vốn sử dụng	33,6%	26,9%	22,3%	18,5%	<b>Tổng lưu chuyển tiền tệ</b>	<b>-305</b>	<b>31</b>	<b>-1.059</b>	<b>252</b>
Nợ/Vốn CSH	25,8%	23,8%	24,9%	17,7%	<b>Tiền cuối năm</b>	<b>1.559</b>	<b>1590</b>	<b>532</b>	<b>784</b>
Khả năng thanh toán lãi vay	2,3	3,9	4,9	6,5					

(2) Miễn trừ thu nhập từ công ty LK, (3) bao gồm cổ tức từ công ty LK.

Nguồn: thông tin từ công ty, VCSC

## Xác nhận của chuyên viên phân tích

Tôi, Nguyễn Tường Huy, xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

### Phương pháp định giá và Hệ thống khuyến nghị của VCSC

**Nội dung chính trong hệ thống khuyến nghị:** Khuyến nghị được đưa ra dựa trên mức tăng/giảm tuyệt đối của giá cổ phiếu để đạt đến giá mục tiêu, được xác định bằng công thức (giá mục tiêu - giá hiện tại)/giá hiện tại và không liên quan đến hoạt động thị trường. Công thức này được áp dụng từ ngày 1/1/2014.

Các khuyến nghị	Định nghĩa
<b>MUA</b>	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ trên 20%
<b>KHẢ QUAN</b>	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dương từ 10%-20%
<b>PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG</b>	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dao động giữa âm 10% và dương 10%
<b>KÉM KHẢ QUAN</b>	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm từ 10-20%
<b>BÁN</b>	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm trên 20%
<b>KHÔNG ĐÁNH GIÁ</b>	Bộ phận nghiên cứu đang hoặc có thể sẽ nghiên cứu cổ phiếu này nhưng không đưa ra khuyến nghị hay giá mục tiêu vì lý do tự nguyện hoặc chỉ để tuân thủ các quy định của luật và/hoặc chính sách công ty trong trường hợp nhất định, bao gồm khi VCSC đang thực hiện dịch vụ tư vấn trong giao dịch sáp nhập hoặc chiến lược có liên quan đến công ty đó.
<b>KHUYẾN NGHỊ TẠM HOÃN</b>	Hình thức đánh giá này xảy ra khi chưa có đầy đủ thông tin cơ sở để xác định khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu. Khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu trước đó, nếu có, không còn hiệu lực đối với cổ phiếu này.

Trừ khi có khuyến cáo khác, những khuyến nghị đầu tư chỉ có giá trị trong vòng 12 tháng. Những biến động giá trong tương lai có thể làm cho các khuyến nghị tạm thời không khớp với mức chênh lệch giữa giá thị trường của cổ phiếu và giá mục tiêu nên việc việc diễn giải các khuyến nghị đầu tư cần được thực hiện một cách linh hoạt.

**Rủi ro:** Tình hình hoạt động trong quá khứ không nhất thiết sẽ diễn ra tương tự cho các kết quả trong tương lai. Tỷ giá ngoại tệ có thể ảnh hưởng bất lợi đến giá trị, giá hoặc lợi nhuận của bất kỳ chứng khoán hay công cụ tài chính nào có liên quan được nói đến trong báo cáo này. Để được tư vấn đầu tư, thực hiện giao dịch hoặc các yêu cầu khác, khách hàng nên liên hệ với đơn vị đại diện kinh doanh của khu vực để được giải đáp.



## Liên hệ

### CTCP Chứng khoán Bản Việt (VCSC)

www.vcsc.com.vn

#### Trụ sở chính

Bitexco, Lầu 15, Số 2 Hải Triều  
Quận 1, Tp. HCM  
+84 28 3914 3588

#### Phòng giao dịch

Số 10 Nguyễn Huệ  
Quận 1, TP. HCM  
+84 28 3914 3588

### Phòng Nghiên cứu và Phân tích

#### Phòng Nghiên cứu và Phân tích

+84 28 3914 3588

#### Ngân hàng, Chứng khoán và Bảo hiểm

##### Ngô Hoàng Long, Phó Giám đốc, ext 123

- Điền Đức Minh Nghĩa, Chuyên viên cao cấp, ext 138
- Đinh Phương Anh, Chuyên viên, ext 139
- Ngô Thị Thanh Trúc, Chuyên viên, ext 116

#### Hàng tiêu dùng và Dược phẩm

##### Đặng Văn Pháp, Phó Giám đốc, ext 143

- Nguyễn Thị Anh Đào, Trưởng phòng, ext 185
- Đào Danh Long Hà, Chuyên viên, ext 194
- Bùi Xuân Vĩnh, Chuyên viên, ext 191

#### BDS và Vật liệu Xây dựng

##### Lưu Bích Hồng, Trưởng phòng cao cấp, ext 120

- Nguyễn Thảo Vy, Chuyên viên cao cấp, ext 147
- Phạm Minh Đức, Chuyên viên, ext 174

#### Khách hàng cá nhân

##### Vũ Minh Đức, Trưởng phòng cao cấp, ext 363

- Lê Trọng Nghĩa, Chuyên viên, ext 181
- Vương Thu Trà, Chuyên viên, ext 365
- Nguyễn Quốc Nhật Trung, Chuyên viên, ext 129

### Phòng Giao dịch chứng khoán khách hàng tổ chức

& Cá nhân nước ngoài

#### Nguyễn Quốc Dũng

+84 28 3914 3588, ext 136  
dung.nguyen@vcsc.com.vn

### Phòng Môi giới khách hàng trong nước

Hồ Chí Minh & Hà Nội

#### Châu Thiên Trúc Quỳnh

+84 28 3914 3588, ext 222  
quynh.chau@vcsc.com.vn

#### Chi nhánh Hà Nội

109 Trần Hưng Đạo  
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội  
+84 24 6262 6999

#### Phòng giao dịch

236 - 238 Nguyễn Công Trứ  
Quận 1, Tp. HCM  
+84 28 3914 3588

#### Alastair Macdonald, Giám đốc, ext 105

alastair.macdonald@vcsc.com.vn

#### Vĩ mô

- Hoàng Thúy Lương, Chuyên viên cao cấp, ext 364
- Trương Thanh Nguyên, Chuyên viên, ext 132

#### Dầu khí và Điện

##### Đinh Thị Thùy Dương, Trưởng phòng cao cấp, ext 140

- Ngô Thùy Trâm, Chuyên viên cao cấp, ext 135
- Nguyễn Tường Huy, Chuyên viên, ext 173
- Lê Phước Đức, Chuyên viên, ext 196

#### Công nghiệp và Vận tải

- Hoàng Nam, Chuyên viên cao cấp, ext 124
- Thái Nhật Đăng, Chuyên viên, ext 149

## Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Bản Việt và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.